

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2021

V/v “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Sử**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2/ Bà **Hồ Thị Kim Luyện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 707/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số B tổ 2, khu vực 6, phường K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Ngọc A**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Căn số 44/1 khu vực 3, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2020 và bản tự khai nguyên đơn – bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông Trịnh Ngọc A có tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian

đầu hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc, trong thời gian sống chung bà cũng nhiều lần nói với ông A phải đi đăng ký kết hôn nhưng ông A không đồng ý, cả hai đã ly thân khoảng 07 năm nay.

Nay không còn tình cảm và cơ hội hàn gắn nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trịnh Ngọc A.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh Ái M (nữ), sinh ngày 08/02/2012, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Trịnh Ngọc A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng ông A đều vắng mặt và ông cũng có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật, tài sản chung và nợ chung không có.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên nay bà xác định không yêu cầu ông Trịnh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Ông A vắng mặt nên không trình bày ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trịnh Ngọc A là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang tạm trú và sinh sống tại quận Ninh Kiều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thanh T và ông A tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2011 nhưng không đăng lý kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây cãi dẫn đến mất hạnh phúc, cả hai đã ly thân được 07 năm. Ông Trịnh Ngọc A cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà. Do đó bà T có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà với ông A là vợ chồng là có cơ sở vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc bà T và ông A không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Ngoài ra, tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”*. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung:

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Ái M (nữ), sinh ngày 08/02/2012, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu M từ trước đến nay luôn sống chung, nhận được sự yêu thương, chăm sóc từ bà T và ông A cũng đồng ý. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tâm sinh lý của cháu, nên việc giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông A theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà T và ông A đều xác định không có. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 14, 15, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Trịnh Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Ái M (nữ), sinh ngày 08/02/2012 cho bà Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng. Ông A không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trịnh Ngọc A theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông A không có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 003367 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Sử